

Số: 1181/2026/QĐST- HNGĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1112/2026/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2026, giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Trần Sỹ Đ, sinh năm 1987; căn cước công dân số 034087011692 do Cục cảnh sát cấp ngày 26/6/2022.

Nơi cư trú: TDP số B Đ, phường T, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Đ, thôn S, xã T, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn:* Bà Mai Kim N, sinh năm 1989; căn cước công dân số 034189010620 do Cục cảnh sát cấp ngày 07/05/2021.

Nơi cư trú: TDP số B Đ, phường T, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Đ, thôn S, xã T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Ông Trần Sỹ Đ và bà Mai Kim N.

**2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về con chung:** Ông bà thống nhất vợ chồng có 03 con chung là: Trần Bảo C, sinh ngày 15/02/2012, Trần Minh T, sinh ngày 24/02/2016 và Trần Ngọc H, sinh ngày 05/10/2019. Ly hôn, bà N trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

- **Về án phí sơ thẩm:** Án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) mỗi bên chịu 1/2, hai bên thỏa thuận để ông Đặng C1 cả nhưng được trừ vào 300.000 đồng ông đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0002653 ngày 30/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ông Đ được hoàn trả số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.**

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình nay là xã Bình Nguyên, tỉnh Thái Bình (GCN kết hôn số 50/2011, quyền số 04/2008 ngày 07/9/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

***Nguyễn Thị Thu Thanh***